

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HSPT
Ngày 31/10/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng; Ông Đỗ Văn Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Tạ Trung Kiên - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 31/10/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 72/2023/TLPT-HS ngày 25/9/2023 đối với bị cáo Đinh Quốc H cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HSST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Đinh Quốc H; tên gọi khác: H tồ, sinh năm 1976 tại T, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh M (đã chết) và bà Mai Thị T, sinh năm 1944; vợ là Huỳnh Thị Ng, sinh năm 1975; có 04 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2022 đến nay. Có mặt.

2. Lê Thành L; tên gọi khác: không, sinh năm 1996 tại Quảng Nam; nơi cư trú: làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Giang H, sinh năm 1972 và bà Hà Thị T, sinh năm 1966; vợ là Võ Thị Hồng Qu, sinh năm 1999; có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2022 đến nay. Có mặt.

3. Phạm Ngọc Đ; tên gọi khác: không, sinh năm 1990 tại Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Phạm Văn S, sinh năm 1964, bà Đoàn Thị Th, sinh năm 1964; vợ là Quách Thị Kim Ng, sinh năm 1993 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2022 đến nay. Có mặt

4. Lê Xuân H; tên gọi khác: không, sinh năm 1996 tại Đức Cơ, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: thôn Ia Lâm Tôt, xã Ia Krêl, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1970; vợ là Trần Thị Th, sinh năm 1996; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh 2020; tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2022 đến ngày 27/9/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

5. Trần Tuấn C; tên gọi khác: không, sinh năm 1990 tại Đức Cơ, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tuấn H, sinh năm 1964 và bà Đinh Thị L, sinh năm 1970; vợ là Lê Ánh Ng, sinh năm 1992; có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh 2022; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2022 đến ngày 27/9/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/9/2022, Đinh Quốc H đã mua của một người đàn ông Campuchia (chưa xác định được nhân thân, lý lịch) 18.500 bao thuốc lá điếu, trong đó có 16.000 bao thuốc lá điếu mang nhãn hiệu JET và 2.500 bao thuốc lá điếu mang nhãn hiệu ESSE Menthol tại khu vực đường biên giới giáp ranh giữa Việt Nam và Campuchia thuộc làng Sơn xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để bán lại cho một người đàn ông (chưa xác định được nhân thân, lý lịch). Sau khi mua thuốc lá, H đã thuê Lê Thành L, Phạm Ngọc Đ, Lê Xuân H và Trần Tuấn C vận chuyển về khu vực lô cao su phía sau nhà của H thuộc làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai với tiền công là 400.000 đồng/chuyến. Khi L, Đ, H và C đang trên đường vận chuyển về điểm tập kết đến khu vực đường mòn biên giới thuộc làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thì bị Công an huyện Đức Cơ bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số thuốc lá.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2023/HSST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đinh Quốc H phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; các bị cáo Lê Thành L, Phạm Ngọc Đ, Lê Xuân H, Trần Tuấn C phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 190; các Điều 38, 50, 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đinh Quốc H 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2022.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; các Điều 38, 50, 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Thành L 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2022.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; các Điều 38, 50, 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Đ 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2022.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 191; các Điều 38, 50, 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Xuân H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2022 đến ngày 27/9/2022.

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn C 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2022 đến ngày 27/9/2022.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Đinh Quốc H số tiền 20.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Kháng cáo của các bị cáo: các bị cáo Đinh Quốc H, Lê Thành L, Phạm Ngọc Đ, Lê Xuân H, Trần Tuấn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử, giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở khẳng định rằng:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng: do có thỏa thuận về việc bán thuốc lá điều nhập lậu với người đàn ông không rõ lai lịch, Đinh Quốc H đã mua của một người đàn ông Campuchia 18.500 bao thuốc lá điều, trong đó có 16.000 bao thuốc lá điều hiệu JET và 2.500 bao thuốc lá điều hiệu ESSE Menthol tại khu vực đường biên giới giáp ranh giữa Việt Nam và Campuchia. Sau khi mua thuốc lá, H đã thuê Lê Thành L, Phạm Ngọc Đ, Lê Xuân H và Trần Tuấn C vận

chuyển về khu vực lô cao su phía sau nhà của H với tiền công là 400.000 đồng/chuyến. Khi L, Đ, H và C đang trên đường vận chuyển thì bị Công an huyện Đức Cơ bắt quả tang và thu giữ Lê Thành L 5.500 bao thuốc lá điều, Phạm Ngọc Đ 5.000 bao thuốc lá điều, Lê Xuân H 4.000 bao thuốc lá điều và Trần Tuấn C 4.000 bao thuốc lá điều. Kết luận giám định toàn bộ 18.500 bao thuốc lá thu giữ là thuốc lá điều nhập lậu.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đinh Quốc H phạm tội “Mua bán hàng cấm” với tình tiết định khung “Thuốc lá điều nhập lậu 4.500 bao trở lên” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Thành L, Phạm Ngọc Đ phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” với tình tiết định khung “Thuốc lá điều nhập lậu 4.500 bao trở lên” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Xuân H, Trần Tuấn C phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” với tình tiết định khung “Thuốc lá điều nhập lậu từ 3000 bao đến dưới 4.500 bao” theo điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, thấy rằng: các bị cáo vì mục đích kiếm tiền bất chính, đã cố ý buôn bán và vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu không có nguồn gốc, xuất xứ và chứng từ hợp pháp với số lượng rất lớn. Hành vi phạm tội của bị cáo H, L, Đ thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, bị cáo H, C là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, gây khó khăn trong công tác quản lý kinh tế, hàng hóa. Bị cáo H bị bắt với số lượng thuốc lá gấp hơn 4 lần số lượng khởi điểm của khung hình phạt nhưng chỉ bị xử phạt mức án giữa khung; bị cáo L và Đ chỉ bị xử phạt ở mức thấp của khung hình phạt; số lượng thuốc lá các bị cáo H, C vận chuyển đã gần chuyển khung hình phạt nặng hơn nên bị xử phạt ở mức cao. Hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, không nặng. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng giai đoạn phúc thẩm không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Các bị cáo p H chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

1. Về hình phạt: không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Quốc H, Lê Thành L, Phạm Ngọc Đ, Lê Xuân H, Trần Tuấn C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 34/2023/HSST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

Tuyên bố bị cáo Đinh Quốc H phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; các bị cáo Lê Thành L, Phạm Ngọc Đ, Lê Xuân H, Trần Tuấn C phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 190; các Điều 38, 50, 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đinh Quốc H **12** (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2022.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; các Điều 38, 50, 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Thành L **6** (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2022.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191; các Điều 38, 50, 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Đ **5** (Năm) **6** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2022.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 191; các Điều 38, 50, 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Xuân H **4** (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2022 đến ngày 27/9/2022.

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn C **4** (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2022 đến ngày 27/9/2022.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Đinh Quốc H, Lê Thành L, Phạm Ngọc Đ, Lê Xuân H, Trần Tuấn C, mỗi bị cáo p H chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát ND huyện Đức Cơ;
- Tòa án ND huyện Đức Cơ;
- Chi cục THA huyện Đức Cơ;
- Công an huyện Đức Cơ;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; NTGTT;
- Lưu HSVA, Văn thư, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Bình

